TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **287**/2024/HS-ST

Ngày 25-9-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trọng Tâm, bà Trần Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Nam - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị P Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 283/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 294/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Anh D** (Tên gọi khác: Không). Sinh ngày 23 tháng 5 năm 1991, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: số X đường X, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Anh L và bà Vũ Thị Kim N; bị cáo chưa có vợ con. Tiền sự: không.

Tiền án: 03.

- Ngày 09/7/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 04 năm 06 tháng tù giam về tội cướp giật tài sản theo bản án số 192/2013/HSST, chấp hành án tại Trại giam Đ – Bộ Công an. Ngày 19/01/2017 chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo chưa được xoá án tích.

- Ngày 26/7/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, xử phạt 18 tháng tù giam về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo bản án số 300/2018/HSST, chấp hành án tại Trại giam Đ1 – Bộ Công an. Ngày 04/10/2019 chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo chưa được xoá án tích.

- Ngày 26/8/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 03 năm tù giam về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 247/2020/HSST, chấp hành án tại Trại giam Đ – Bộ Công an. Ngày 20/04/2023 chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo chưa được xoá án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/7/2024 cho đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Bùi Thị Hồng P** (Tên gọi khác: Không). Sinh ngày: 10 tháng 5 năm 1985, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Tổ dân phố X, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Phước D1 (đã chết) và bà Lê Thị V; bị cáo có chồng là Trần Hồng M và Nguyễn Việt N1 (đều đã ly hôn) và có 05 người con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2020. Tiền sự: không.

Tiền án: 01. Ngày 15/9/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm, phạt bổ sung số tiền 2.000.000 đồng về tội đánh bạc, theo bản án số 281/2008/HSST. Bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung và đóng án phí, bị cáo chưa được xoá án tích.

Nhân thân:

Ngày 30/10/2000, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 12 tháng về hành vi trộm cắp tài sản và gây rối trật tự công cộng. Ngày 06/11/2001, chấp hành xong quyết định.

Ngày 09/11/2013, bị Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 116, phạt tiền 500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 05/12/2013 chấp hành xong quyết định theo biên lai số 0005671.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/7/2024 cho đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Ông Nguyễn Bá D2, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Nguyễn Tiến D3, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị D4, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Lê Nhật T, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Anh D và Bùi Thị Hồng P, đều không có nghề nghiệp, nghiện chất ma túy, cần tiền tiêu xài cá nhân nên trong ngày 10/4/2024 và ngày 12/4/2024, D và P đã cùng rủ nhau thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 08 giờ ngày 10/4/2024, D và P cùng rủ nhau đi bộ trên các tuyến đường thuộc thôn X, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến trước ngôi nhà tại địa chỉ: số X đường A, thôn X, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thì thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future II, màu xanh, biển số 47B1 – 887.XX, của ông Nguyễn Bá D2, đang dựng ở phía trước cổng nhà, chìa khóa cắm trên ổ khóa điện và trên xe có treo 01 cái mũ bảo hiểm màu trắng. Quan sát thấy không có người trông coi, D đi đến lén lút vặn chìa khóa đề nổ máy xe, còn P lấy chiếc mũ bảo hiểm đội lên đầu rồi cả hai lên xe mô tô biển số 47B1 – 887.XX, chạy thoát. Khoảng 11 giờ cùng ngày, D điều khiển xe chở P đi đến tiệm mua bán phế liệu của ông Lê Nhật T, tại địa chỉ: thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tại đây, D hỏi ông T là "Em có cái xe của em bị mất giấy tờ, anh có mua phế liệu không" thì ông T đồng ý mua với giá 1.100.000 đồng, D chia cho P số tiền 500.000 đồng, rồi cả hai sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 05 giờ ngày 12/4/2024, D và P cũng rủ nhau đi bộ trên các tuyến đường thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến nhà địa chỉ: số X đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, D và P thấy có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha 110, màu đen, biển số 47P9 – 88XX, của ông Nguyễn Tiến D3 được dựng sát tường, có cắm chìa khóa trên ổ khóa điện của xe. Thấy không có người trông coi, D đi đến lén lút vặn chìa khóa đề nổ máy xe rồi cả hai lên xe mô tô biển số 47P9 – 88XX, chạy thoát. Khoảng 08 giờ cùng ngày, D điều khiển xe mô tô biển số 47P9 – 88XX, chở P đi đến tiệm mua bán phế liệu của ông Lê Nhật T, tại địa chỉ: thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tại đây, D nói với ông T là "có cái xe bị mất giấy tờ, anh có mua không" thì ông T đồng ý mua với giá 1.100.000 đồng, D chia cho P số tiền 500.000 đồng, rồi cả hai sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 94/KL-HĐĐGTS ngày 04/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận:

- 01 *(Một)* chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Future II, màu xanh, biển số 47B1 – 887.XX, số máy: JC35E00458XX, số khung: RLHJC35015Y0459XX, đã qua sử dụng, tài sản không thu hồi được, thời điểm định giá ngày 10/4/2024, trị giá: **12.000.000 đồng** *(Mười hai triệu đồng).*

- 01 mũ bảo hiểm, kiểu dáng nón sơn (không rõ nhãn hiệu), màu trắng, đã qua sử dụng, tài sản không thu hồi được: Hội đồng định giá từ chối định giá.

- 01 *(Một)* chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha 110 (HC12), màu đen, biển số 47P9 – 88XX, số máy: HC12E25630XX, số khung: HC1200AY0630XX, đã qua sử dụng, tài sản không thu hồi được, thời điểm định giá ngày 12/4/2024, trị giá: **6.000.000 đồng** *(Sáu triệu đồng).*

Cáo trạng số 280/CT-VKS-HS ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tố đối với bị cáo Nguyễn Anh D về tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo Bùi Thị Hồng P về tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng mà Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh D và bị cáo Bùi Thị Hồng P phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Về hình phạt:

- Căn cứ điểm b, g khoản 2 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh D từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm h, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Hồng P từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận việc bị cáo D và P đã bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Tiến D3 số tiền 6.000.000 đồng. Ông D3 đã nhận số tiền 6.000.000 đồng và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường chi phí nào khác.

Buộc các bị cáo D và P phải liên đới bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Bá D2 số tiền 8.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Anh D, Bùi Thị Hồng P không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác nên vào khoảng 08 giờ ngày 10/4/2024 tại địa chỉ: thôn X, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Anh D và Bùi Thị Hồng P đã lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future II, màu xanh, biển số 47B1 – 887.XX, số máy: JC35E00458XX, số khung: RLHJC35015Y0459XX và 01 mũ bảo hiểm, kiểu dáng nón sơn (không rõ nhãn hiệu), màu trắng, của ông Nguyễn Bá D2, trị giá: 12.000.000 đồng; vào khoảng 05 giờ ngày 12/4/2024, tại địa chỉ: số X đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Anh D và Bùi Thị Hồng P đã lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha 110 (HC12), màu đen, biển số 47P9 – 88XX, số máy: HC12E25630XX, số khung: HC1200AY0630XX, của ông Nguyễn Tiến D3, trị giá: 6.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 18.000.000 đồng *(Mười tám triệu đồng).*

Hành vi của bị cáo Nguyễn Anh D đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Có tính chất chuyên nghiệp"* và *"Tái phạm nguy hiểm"* quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Bùi Thị Hồng P đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

"Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm….

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

g) Tái phạm nguy hiểm;"

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Anh D, Bùi Thị Hồng P gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tài sản của người khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rằng tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, mọi hành vi xâm phạm đều bị pháp luật nghiêm trị. Tuy nhiên do ý thức coi thường pháp luật, lười biếng lao động, muốn có tiền bằng con đường bất chính, bị cáo Nguyễn Anh D, Bùi Thị Hồng P đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 18.000.000 đồng.

[3] Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Nguyễn Anh D về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Bùi Thị Hồng P về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại

khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân xấu.

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Nguyễn Anh D và Bùi Thị Hồng P phạm tội 02 lần trở lên nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Thị Hồng P phạm tội thuộc trường hợp "Tái phạm" nên bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, các bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại và người bị hại là ông Nguyễn Tiến D3 có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Nguyễn Anh D và Bùi Thị Hồng P phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo Nguyễn Anh D, về nhân thân, bị cáo là người đã có 02 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, lần phạm tội này bị cáo phạm tội với các tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Có tính chất chuyên nghiệp"* và *"Tái phạm nguy hiểm"* quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Trong vụ án này bị cáo là người thực hành tích cực hơn bị cáo P, số tiền mà bị cáo được hưởng sau khi bán tài sản chiếm đoạt nhiều hơn bị cáo P. Do đó mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo D cao hơn bị cáo P là phù hợp và cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận việc bị cáo D, P và bị hại ông Nguyễn Tiến D3 đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho ông D3 số tiền 6.000.000 đồng, là giá trị chiếc xe mô tô ông D3 bị chiếm đoạt. Ông D3 đã nhận đủ số tiền 6.000.000 đồng và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường chi phí nào khác là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

Chấp nhận việc bị cáo D, P đã tự nguyện bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Bá D2 số tiền 4.000.000 đồng. Ông D2 yêu cầu các bị cáo D và P phải

tiếp tục bồi thường số tiền 8.000.000 đồng là phần thiệt hại còn lại của chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt, nên cần buộc các bị cáo D và P liên đới bồi thường cho ông D2 số tiền 8.000.000 đồng; chia theo phần bị cáo D phải bồi thường cho ông D2 số tiền 4.000.000 đồng, bị cáo P phải bồi thường cho ông D2 số tiền 4.000.000 đồng là phù hợp.

[6] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo, Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo theo quy định tại Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình là phù hợp.

Đối với ông Lê Nhật T là người đã mua 02 chiếc xe mô tô từ các bị cáo D và P. Quá trình điều tra xác định ông T không biết 02 chiếc xe mô tô do các bị cáo phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý đối với ông T là phù hợp.

Đối với đối tượng đã bán trái phép chất ma túy cho các bị cáo D và P. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột chưa xác minh được nhân thân lai lịch của đối tượng nêu trên nên đã tách ra khỏi vụ án để tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh: Căn cứ Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh D và Bùi Thị Hồng P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[2] Về hình phạt:

- Căn cứ điểm b, g khoản 2 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Anh D **03 *(Ba)* năm 09 *(Chín)* tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08/7/2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị Hồng P **02 *(Hai)* năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận việc gia đình bị cáo Nguyễn Anh D và bị cáo Bùi Thị Hồng P đã bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Tiến D3 số tiền 6.000.000 đồng *(Sáu triệu đồng)*. Ông Nguyễn Tiến D3 đã nhận số tiền 6.000.000 đồng *(Sáu triệu đồng)* và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường chi phí nào khác.

Buộc các bị cáo Nguyễn Anh D và Bùi Thị Hồng P phải liên đới bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Bá D2 số tiền 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng)*. Chia theo phần bị cáo Nguyễn Anh D phải bồi thường cho ông Nguyễn Bá D2 số tiền 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)*, bị cáo Bùi Thị Hồng P phải bồi thường cho ông Nguyễn Bá D2 số tiền 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Anh D và Bùi Thị Hồng P, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1 – TAND TC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an thành phố B;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS thành phố B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My